

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2776/SGDDT-VP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Về kết quả xét và đề nghị
danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng
tập thể, năm học 2021-2022

Kính gửi:

- Trưởng phòng GD&ĐT thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Hiệu trưởng các trường THPT, TC-CD trực thuộc;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Trên cơ sở thực hiện việc tự chấm điểm của các đơn vị, việc chấm điểm của các phòng thuộc Sở và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, Ngày 01 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã tiến hành họp xét thi đua cho các tập thể, cá nhân của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022;

Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở) thông báo đến các đơn vị kết quả Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xét và đề nghị thành phố xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tập thể theo danh sách đính kèm.

Khôi trường thi đua các khối cập nhật kết quả, hoàn tất hồ sơ khối cuối năm gửi về Sở trước ngày 11/8/2022.

Các đơn vị được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xét đề nghị UBND thành phố tặng Cờ Thi đua thực hiện báo cáo thành tích gửi về Sở trước 16 giờ, ngày 10/8/2022.

Tập thể, cá nhân được xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen Thủ tướng) năm học 2021-2022 thực hiện báo cáo thành tích (theo mẫu gợi ý đính kèm) gửi về Sở trước ngày 12 /8/2022.

Tập thể, cá nhân đã được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước năm học 2020-2021 thực hiện lại báo cáo thành tích (cập nhật thành tích năm học 2021-2022), thực hiện theo mẫu gợi ý đính kèm, gửi về Sở trước ngày 12 /8/2022.

Lưu ý: Các báo cáo thành tích phải được thực hiện đúng theo mẫu quy định. Đơn vị nào thực hiện không đúng mẫu xem như không làm báo cáo, không đề nghị khen thưởng.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT, VP-N.

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG



Hồ Tấn Minh

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOẢNG 1 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐS& UDCNT T	Công đoàn				
1	THPT Bùi Thị Xuân	200	93,4	100	99	97,5	100	89	97	94	969,9	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK Bộ	Có HCLĐ hưng Nhì 2015. Không có BK TP năm 2015, 2016
2	THPT Trung Vương	195	90	100	100	96,5	98	90	97	92,5	959	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	Sinh con thứ 3
3	THPT Ten Lơ Mán	200	97,8	100	100	99,5	100	90	99	93,8	980,1	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
4	THPT Lương Thế Vinh	196	99,7	100	99	96,5	100	86	94	94	965,2	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	200	99,8	100	99	95,5	95	85	100	94	968,3	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
6	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	188,5	100	100	99	99,5	100	93	100	94	974	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK Bộ, BK TTg	
7	THPT Lê Quý Đôn	200	99,9	100	100	98,5	100	93	100	92,5	988,9	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS Cờ TP, Cờ CP BK TP	
8	THPT Marie Curie	200	90	100	100	88,5	100	89,5	100	98	966	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
9	TT GDKTTH-HN Lê Thị Hồng Gấm	194	90,4	100	99	97,5	100	80	97	94	951,9	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
10	THPT Nguyễn Thị Diệu	200	95,3	95	100	98,5	100	92	98	91,5	970,3	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
11	THPT Năng Khiếu TĐTT	161	96,2	90	100	87,5	100	80	93	93,8	901,5	HHTNV	TT LĐTĐ	

Ghi chú: + TT LĐTĐ: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHỐI 2 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&ĐC LGD	VP	CĐS& UDCNT T	Công đoàn			
1	THPT Nguyễn Trãi	198	92,6	100	100	95	100	86	98	94	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
2	THPT Nguyễn Hữu Thọ	200	92	100	98	98,5	100	91	99	92,5	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
3	THPT Long Thới	195	91,6	100	100	98,5	100	85,5	99	94	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
4	THPT Phước Kiển	190	85	100	99	87,5	100	75	99	95,5	HTTNV	TT LĐTĐ	
5	THPT Dương Văn Dương	184	92,4	100	97	97,5	90	81	95	94	HTTNV	TT LĐTĐ	
6	THPT Bình Khánh	200	96	100	100	96,5	100	94	100	93	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	Sinh con thứ 3
7	THPT Càn Thạnh	200	94,4	100	100	96,5	100	86	98	92,5	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
8	THPT An Nghĩa	200	95,4	100	100	98,5	100	85	99	94	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP, Cờ TP	
9	THCS-THPT Thạnh An	190	98,1	100	98	98,5	100	82,5	99	93	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	

Ghi chú: + TT LĐTĐ: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOẢNG 3 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm cộng Khỏi trường	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LQĐ	VP	CĐS&UDCNT T				
1	THPT Lê Thánh Tôn	175	75	70	95	88,5	97	80	95	91,5	HTTNV	Không đạt TT LĐT	Có 01 cá nhân không HTNV
2	THPT Ngô Quyền	200	85	100	99	98,5	100	85	97	92	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
3	THPT Tân Phong	200	90	100	99	95,5	100	78	99	94	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
4	THPT Nam Sài Gòn	185	85	100	98	86,5	76	95	97	92,8	HTTNV	TT LĐT	
5	THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thị Định	198	94,4	95	100	90	100	86	96	92,5	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
6	THPT Nguyễn Văn Linh	186	94,1	100	100	99,5	100	85	98	91,3	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
7	THPT Lương Văn Can	198	99,2	100	100	96,5	100	94,5	96	93	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP	
8	THPT Ngô Gia Tự	176	96,3	90	95	88,5	100	85	95	91	HTTNV	TT LĐT	
9	THPT Tạ Quang Bửu	200	90	95	100	95	100	87	98	93,8	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
10	THPT Võ Văn Kiệt	198	93,1	100	100	95,5	100	85,5	95	91,8	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOA 4 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐT xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐS& UDCNT T					
1	THPT Hùng Vương	200	99,9	100	100	97,5	100	85	99	94	975,4	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
2	THPT Trần Khai Nguyên	200	99,5	100	100	98,5	100	99,5	99,5	96	993	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP, BK TP	
3	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	200	99,5	100	100	99,5	100	96	100	95	990	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK Bộ	Đã có HC Độc lập hàng Ba 2021
4	THPT Trần Hữu Trang	194	92	100	95	93,5	100	80	99	91,5	950	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
5	THPT Nguyễn An Ninh	199	93,2	100	99	92,5	98	88	97	96	962,7	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
6	THPT Nguyễn Khuyến	200	94,9	100	100	95	100	90	99	94	972,9	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK Bộ	
7	THPT Nguyễn Du	193	90	95	99	90,5	100	81	98	92,5	939	HTTNV	TT LĐT	
8	THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	199	90,5	100	100	93,5	100	88	98	94	963	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
9	THCS-THPT Diên Hồng	194	85	100	100	98	100	88	98	93,8	956,8	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOÍ 5 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐS& UDCNT T					
1	THPT Nguyễn Tất Thành	200	94,2	100	100	100	100	98	100	94	5	991,2	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP	
2	THPT Mạc Đĩnh Chi	200	99,6	100	100	98,5	100	98	99	94		989,1	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
3	THPT Bình Phú	199	95,1	100	100	98	100	90	98	90,8		970,9	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
4	THPT Phạm Phú Thứ	200	95,8	95	100	97	100	95	99	92,8		974,6	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
5	THPT Bình Chánh	190	85	100	100	87,5	100	98	96	93,5		950	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
6	THPT Tân Túc	200	96,6	95	100	98,5	100	99,5	98	94		981,6	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
7	THPT Vĩnh Lộc B	200	94,6	100	100	97,5	100	86,5	99	94		971,6	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
8	THPT Lê Minh Xuân	199	94	100	100	96,5	100	83,5	96	94		963	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
9	THPT Đa Phước	200	90,5	100	100	92,5	98	88,5	96	94		959,5	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
10	THPT NK TĐTT H.Bình Chánh	200	99,9	100	100	97,5	100	93,5	100	95		985,9	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
11	THPT Phong Phú	200	99,3	100	100	99	100	94	97	94,5		983,8	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHỐI 6 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khó khăn	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐ&UDCNT T	Công đoàn				
1	THPT Nguyễn Hiền	200	97,8	100	100	93,5	100	82	98	97	5	973,3	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
2	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	200	85	100	100	97	100	84,5	98	94		958,5	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK Bộ	
3	THPT Trần Quang Khai	200	90	100	94	93,5	100	83	98	91,5		950	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
4	THPT Vĩnh Lộc	180	90	90	95	83	99	82	98	90,5		907,5	HTTNV	Đề lại chưa xét
5	THPT Bình Hưng Hòa	199	99,5	100	100	97,5	100	90,5	97	94		977,5	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS BK TP, Cờ TP	
6	THPT Bình Tân	196	92,2	100	100	97,5	100	85	99	92,8		962,5	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
7	THPT Nguyễn Hữu Cánh	200	94,8	98	100	99	100	93	98	93		975,8	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	
8	THPT An Lạc	200	96,3	100	100	97,5	100	92,5	94	92		972,3	HTTNV TT LĐT, TT LĐXS	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOI 7 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCOB	Thanh tra	KT&K&C LGD	VP	CĐ&S&UDCNT T	Công đoàn			
1	THPT Phú Nhuận	200	96,1	100	99	97,5	100	88	98	94	HTTNV		Đề lại chưa xét <i>Sinh con thứ 3</i>
2	THPT Quốc tế Việt Úc (SIC)	187	96,1	100	100	93,5	90	82	95	93	HTTNV		Đề lại chưa xét
3	THPT Hàn Thuyên	200	85	100	100	97,5	100	85,5	96	95	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS BK TP	
4	THPT Nguyễn Chí Thanh	200	92	100	100	86,5	99	86	99	94	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS BK TP	
5	THPT Nguyễn Thượng Hiền	198	92	98	99	89,5	94	95	97	93,3	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS BK Bộ, BK TTg	BK TTg chờ kết quả 2021-2022
6	THPT Nguyễn Thái Bình	200	99,3	100	100	95,5	100	81	100	97,5	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS Cờ TP, BK TP	
7	THPT Tây Thạnh	189,5	94,4	100	99	89,5	100	80	96	92,8	HTTNV	TT LĐT	Sinh con thứ 3
8	THPT Tân Bình	197	91	95	98	97,5	100	82	97	92,8	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS	
9	THPT Trần Phú	200	90,8	100	100	99	100	93,5	98	91,8	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS BK TP, BK TTg	
10	THPT Lê Trọng Tấn	197	93,3	99	99	95,5	100	93	99	92,5	HTTNV	TT LĐT, TT L&XS BK TP	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT L&XS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOI 8 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khối trường	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐS&UDCNT T	Công đoàn				
1	THPT Trần Văn Giàu	200	99,8	100	100	99	100	90,5	100	93	982,3	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS Cờ TP, BK TP	
2	THPT Hoàng Hoa Thám	195	94,9	100	98	90,5	97,8	86	97	92	951,2	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
3	THPT Thanh Đa	199	90	100	99	86,5	99,8	75	99	93,3	941,5	HHTNV	TT LĐTĐ	Sinh con thứ 3
4	THPT Võ Thị Sáu	195	90,9	100	100	98,5	100	94	100	94,5	972,9	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
5	THPT Gia Định	200	90	100	100	89,5	89,5	90	96	97,5	952,5	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK Bộ	
6	THPT Phan Đăng Lưu	200	93,4	100	100	96,5	87,8	85	100	94	956,7	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK TP	
7	THPT Gò Vấp	192	85	100	94	94	100	85,5	97	89,8	937,3	HHTNV		Đề lại chưa xét
8	THPT Nguyễn Công Trứ	197	95	100	99	84,5	100	74	92	88,3	934,8	HHTNV		Đề lại chưa xét
9	THPT Nguyễn Trung Trực	200	93,2	100	98	96	100	85,5	96	93,3	962	HHTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
10	THPT Trần Hưng Đạo	200	90	100	95	92,5	100	80	93	92,8	943,3	HHTNV	TT LĐTĐ	

Ghi chú: + TT LĐTĐ: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHỐI 9 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khối trường	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LCD	VP	CĐS&UDCNT	Công đoàn				
1	THPT Thanh Lộc	190	92,4	100	100	99,5	100	89,5	100	94,5	965,9	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
2	THPT Trường Chinh	198	90,6	100	99	93,5	100	79	100	86	946,1	HTTNV		Có CN buộc thôi việc
3	THPT Võ Trường Toản	196	93,9	100	100	95,5	100	86	99	91,5	961,9	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
4	THPT Phạm Văn Sáng	190	97,5	100	100	98	100	95	100	95,5	981	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP, BK Bộ	
5	THPT Bà Điểm	191	97,8	100	100	96	100	90,5	100	92,8	968,1	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP, BK TTg	
6	THPT Nguyễn Văn Cừ	200	96,1	100	100	97,5	98	99,5	95	93	979,1	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
7	THPT Nguyễn Hữu Tiến	185	90,2	100	99	98	100	88	98	94	952,2	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
8	THPT Nguyễn Hữu Cầu	200	99,2	100	100	97	100	92	98	92,5	978,7	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
9	THPT Lý Thường Kiệt	199	90	100	98	92,5	100	84,5	99	92,5	955,5	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
10	THPT Hồ Thị Bi	195	96	100	100	95,5	95	82,5	100	94	958	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK Bộ	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022

KHỐI 10 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm công khối trường	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&ĐC LGD	VP	CĐS&UDCNT T					
1	THPT Thủ Thiêm	200	95,6	100	100	99	100	97,5	100	94	986,1	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
2	THPT Giồng Ông Tố	178	75	95	95	91	79,5	76	99	91,5	880	HTTNV		Để lại chưa xét
3	THPT Phước Long	196,5	90	100	98	90,5	100	91	91	93	950	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
4	THPT Long Trường	183	92,2	100	100	95,5	100	80	94	93,8	938,5	HTTNV	TT LĐT	
5	THPT Nguyễn Huệ	200	98,7	100	100	97,5	100	96,5	97	93,5	983,2	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	Sinh con thứ 3
6	THPT Nguyễn Văn Tăng	200	97,8	100	100	98,5	100	94	100	94	984,3	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
7	THPT Dương Văn Thị	197	98,8	100	99	96,5	100	94,5	100	94,5	980,3	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
8	THPT Đào Sơn Tây	200	99,6	100	100	99	100	96	100	93	992,6	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	Sinh con thứ 3
9	THPT Thủ Đức	200	99,1	100	100	99,5	100	89	100	97,5	985,1	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
10	THPT Nguyễn Hữu Huân	200	99,4	100	100	99	100	99,5	100	94	991,9	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP	
11	THPT Tam Phú	195	91,1	100	100	97	100	89	97	94	963,1	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
12	THPT Hiệp Bình	192	94,3	100	100	95,5	100	86	98	93,5	959,3	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	
13	THPT Linh Trung	200	97,8	100	100	99	100	86	100	94,8	977,6	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS	
14	THPT Bình Chiểu	200	98,7	100	100	96,5	100	85	100	90,5	970,7	HTTNV	TT LĐT, TT LĐXS BK TP	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHỐI 11 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm cộng Khỏi trường	Tổng cộng	Xếp loại Công đoàn	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		Trung học	CTTT	KHTC	TCCB	Thanh tra	KT&KĐC LGD	VP	CĐS&UDCNT	Công đoàn				
1	THPT Củ Chi	190	96,5	100	100	98,5	100	89	100	92,5	5	HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
2	THPT Quang Trung	200	99	100	100	96,5	100	87	100	94		HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS Cờ TP	
3	THPT An Nhơn Tây	200	99,6	100	100	98,5	100	92	100	92,5		HTTNV	Không xét	Có CN bị xử lý KL
4	THPT Trung Phú	200	99,2	100	100	99	100	84,5	100	93,5		HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
5	THPT Trung Lập	195	96,9	100	98	99	100	85,5	100	95		HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK Bộ	
6	THPT Phú Hòa	199	90,5	100	100	98	100	88	100	91,5		HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
7	THPT Tân Thông Hội	199	92,7	100	100	98,5	100	81	100	90		HTTNV	TT LĐTĐ, TT LĐXS BK Bộ	

Ghi chú: + TT LĐTĐ: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022

KHỐI 12 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng								Điểm công Khối trưởng	Tổng cộng	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		T-H	CTTT	QLNN, CSVCL TCCB	TTr	KT&K Đ CLGD	VP	CĐS& UDCNT T	CĐ				
1	THPT Thăng Long	162	43,7	182	82,5	70	26	94	83,8	744	Không xét do không đề nghị		
2	THPT Trần Quốc Tuấn	0	0	0	0	80	0	0	0	80	Không xét do không đề nghị		
3	THPT Văn Lang	186	76,3	197	88,5	80	70	97	0	794,8	Không đạt TT LĐT		
4	THCS và THPT Đặng Khoa	124	32,2	183	85,5	100	29	77	88	718,7	Không đạt TT LĐT		
5	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm	0	18	0	0	90	0	0	71,5	179,5	Không xét do không đề nghị		
6	THCS và THPT An Đông	0	19	0	0	80	0	0	0	99	Không đạt TT LĐT		
7	TH - THCS - THPT Vạn Hạnh	0	79,11	0	0	80	0	0	93,5	252,6	Không đạt TT LĐT		
8	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	198	90,4	199	98,5	100	82,5	100	95	963,4	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP		
9	THCS và THPT Duy Tân	153	44,1	192	86,5	80	42	95	86,5	779,1	Không đạt TT LĐT		
10	THCS và THPT Châu Á Thái Bình Dương										Ngưng hoạt động		
11	THCS và THPT Đức Trí	186	94,3	198	98,5	100	86,5	97	91,5	951,8	TT LĐT, TT LĐXS		
12	THCS và THPT Đình Thiện Lý	196	86,8	200	98	100	80	97	95,5	5	958,3	TT LĐT, TT LĐXS	
13	THCS - THPT Sao Việt	183	68	194	95,5	64	58	92	90	844,5	Không đạt TT LĐT		
14	TH, THCS và THPT Nam Mỹ	190	74	198	87,5	100	58	95	89	891,5	Không đạt TT LĐT		
15	THCS và THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	140	64,8	191	88,5	90	32	95	0	701,3	Không đạt TT LĐT		
16	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	188	67,8	198	86,5	90	31	94	87	842,3	Không đạt TT LĐT		
17	THPT Quốc tế Canada	173	66,8	199	86,5	70	27	91	0	713,3	Không đạt TT LĐT		
18	Tiểu học, THCS và THPT Emasi Nam Long	200	93,3	198	96,5	100	87,5	95	0	870,3	Không đạt TT LĐT		
19	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	0	35	0	0	58	0	0	96	189	Không đạt TT LĐT		
20	Tiểu học, THCS và THPT Tây Úc	0	15,5	0	0	80	0	0	0	95,5	Không đạt TT LĐT		
21	Tiểu học, THCS và THPT Úc Châu	119	58,4	195	86,5	60	25	94	90,5	728,4	Không đạt TT LĐT		

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022

KHỐI 13 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		TrH	CTTT	QLNN, CSV.C, TCCB	TTt	KT&KB CLGD	VP	CĐS& UDCNT T	CĐ			
1	THPT Việt Âu	198	51	199	87	90	59	80	90	854	Không đạt TT LĐT	
2	TH - THCS - THPT Chu Văn An	140	77,8	188	93,5	82	48	92	93,5	814,8	Không đạt TT LĐT	
3	THPT Trần Nhân Tông	145	25	179	85,5	98	32	0	0	564,5	Không đạt TT LĐT	
4	THPT Phú Lâm	0	0	0	0	70	0	0	0	70	Không đạt TT LĐT	
5	THPT Quốc Trí	159	42,1	164	87,5	80	36	90	0	658,6	Không đạt TT LĐT	
6	TH, THCS, THPT Tuệ Đức	0	0	0	0	80	0	0	0	80	Không đạt TT LĐT	
7	THCS, THPT Ngôi Sao	196	71,8	195	92,5	98	39	94	89	880,3	Không đạt TT LĐT	
8	THCS-THPT Phan Bội Châu	0	11,5	0	0	80	0	0	0	91,5	Không đạt TT LĐT	
9	THCS và THPT Bắc Sơn	196	81,2	199	92,5	80	76	82	94	900,2	TT LĐT	
10	THCS và THPT Bạch Đằng	0	12,5	0	0	80	0	0	0	92,5	Không đạt TT LĐT	
11	THCS, THPT Phan Châu Trinh	180	47,3	193	86,5	98	70	97	95	866,3	Không đạt TT LĐT	
12	THCS và THPT Lạc Hồng	170	17,3	0	0	80	0	0	91,5	358,8	Không đạt TT LĐT	
13	THCS VÀ THPT Ngọc Viễn Đông	180	28,3	194	85,5	80	40	70	85,5	763,3	Không đạt TT LĐT	
14	THCS và THPT Hoa Lư	0	0	0	0	80	0	0	92,5	172,5	Không đạt TT LĐT	
15	THCS và THPT Đào Duy Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
16	Tiểu học, THCS và THPT Trí Tuệ Việt	0	63,8	0	0	98	0	0	0	161,8	Không đạt TT LĐT	
17	TH - THCS - THPT Quốc tế Bắc Mỹ	0	13,5	0	0	90	0	0	0	103,5	Không đạt TT LĐT	
18	Tiểu học, THCS và THPT Mỹ Việt	0	0	0	0	80	0	0	87,5	167,5	Không đạt TT LĐT	
19	Tiểu học, THCS và THPT Albert Einstein	187	29,2	192	85,5	90	30	91	0	704,7	Không xét do không tham gia thi đua	
20	Tiểu học, THCS và THPT Ngôi Sao Nhỏ	0	17	0	0	98	0	0	0	115	Không đạt TT LĐT	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022

KHỐI 14 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm cộng Khối trưởng	Tổng cộng	Kết quả HĐTĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		TrH	CTTT	QLNN, CSVCL, TCCB	TTr	KT&KB CLGD	VP	CĐS& UDCNT T				
1	Tiểu học, THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn	0	25,5	0	0	0	0	0		25,5	Ngưng hoạt động	
2	THPT Vĩnh Viễn	0	40	177	85,5	90	39	93	0	524,5	Không đạt TT LĐT	
3	THCS - THPT Trần Cao Vân	168	48	197	87,5	90	60	94	0	744,5	Không đạt TT LĐT	
4	THCS và THPT Nam Việt	177	50,4	196	86,5	90	67	74	92	832,9	Không đạt TT LĐT	
5	THCS và THPT Hai Bà Trưng	196	35	199	88,5	80	54	88	81,5	822	Không đạt TT LĐT	
6	THPT Thủ Khoa Huân	166	71	189	93,5	90	64	100	0	773,5	Không đạt TT LĐT	
7	THCS-THPT Hồng Đức	186	89,4	197	87,5	90	69	78	91,5	888,4	Không đạt TT LĐT	
8	THCS và THPT Việt Thanh	169	55,9	188	91,5	90	39	83	90,5	806,9	Không đạt TT LĐT	
9	THCS và THPT Trí Đức	200	92,7	200	88,5	100	42	98	92	913,2	TT LĐT	
10	THCS và THPT Thái Bình	0	14,5	0	0	100	0	0	92,5	207	Không đạt TT LĐT	
11	THCS và THPT Nhân Văn	0	12,5	0	0	80	0	0	0	92,5	Không đạt TT LĐT	
12	THCS - THPT Nguyễn Khuyến	177	51,5	200	86,5	100	43	94	95	847	Không đạt TT LĐT	
13	Tiểu học, THCS và THPT Việt Mỹ	159	63,4	194	93,5	80	44	90	0	723,9	Không đạt TT LĐT	
14	THCS và THPT Khai Minh	0	14,5	0	0	80	0	0	0	94,5	Không đạt TT LĐT	
15	Tiểu học, THCS và THPT Tân Phú	200	99,8	200	98,5	100	95	100	94,5	992,8	TT LĐXS, TT LĐT	
16	THCS - THPT Bác Ái	151	30,4	195	88,5	90	35	75	86	750,9	Không đạt TT LĐT	
17	THPT Minh Đức	180	33,1	200	86,5	100	41	78	0	718,6	Không đạt TT LĐT	
18	THPT Thành Nhân	165	40,6	175	85,5	80	35	91	88,5	760,6	Không đạt TT LĐT	
19	THCS và THPT Đình Tiên Hoàng	184	74,8	197	88,5	100	48,5	83	87,5	862,8	Không đạt TT LĐT	
20	TH - THCS - THPT Lê Thánh Tông	182	74,8	196	97,5	90	59	98	0	797,3	Không đạt TT LĐT	
21	Tiểu học, THCS và THPT Thái Bình Dương	198	30	198	86,5	90	29	79	78	788,5	Không đạt TT LĐT	
22	Tiểu học, THCS và THPT Hòa Bình	189	47,5	184	90,5	100	28	79	0	718	Không đạt TT LĐT	
23	Tiểu học, THCS và THPT Thanh Bình	200	0	200	87,5	0	56	86	91,5	721	Không đạt TT LĐT	
24	Tiểu học, THCS và THPT Trí Tuệ Việt	175	0	195	86,5	0	47	96	0	599	Không đạt TT LĐT	
25	Tiểu học, THCS và THPT Tre Việt (Nhân Việt)	190	71,2	196	92,5	100	71	97	91,5	909	TT LĐT	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022

KHỐI 15 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng							Điểm công khối trường	Tổng cộng	Kết quả HĐTD xét và đề nghị	Ghi chú
		TTH	CTTT	QLNN: CSV.C. TCCB	TTr	KT&KB CLGD	VP	CBS& UDCNT T				
1	THPT Việt Nhật	0	15,5	0	0	87	0	58		160,5	Không đạt TT LĐT	
2	THPT Hưng Đạo	188	64,5	199	95,5	90	39	87	0	763	Không đạt TT LĐT	
3	THPT Lý Thái Tổ	0	12,5	0	0	0	0	0	0	12,5	Không đạt TT LĐT	
4	THPT An Dương Vương	0	16	0	0	85	0	0	80	181	Không đạt TT LĐT	
5	THPT Đông Dương	162	63,5	177	90,5	90	60	93	86,5	822,5	Không đạt TT LĐT	
6	THCS và THPT Phùng Hưng	177	54,7	193	88,5	80	62	90	86	831,2	Ngưng hoạt động	
7	THPT Bách Việt	185	27,7	196	87,5	90	38	72	0	696,2	Không đạt TT LĐT	
8	Tiểu học, THCS và THPT Mùa Xuân	0	14,5	0	0	99	0	0	0	113,5	Không xét do không tham gia thi đua	
9	THCS và THPT Hồng Hà	200	97,2	199	98,5	90	85	88	95,5	5 958,2	TT LĐT, TT LĐXS Cờ TP	
10	Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	190	97	200	99,5	90	88,5	96	95	956	TT LĐT, TT LĐXS	
11	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	166	31,1	197	85,5	90	43	79	88,3	779,9	Không đạt TT LĐT	
12	THPT Đông Đô	157	25,4	183	85,5	79,8	42	71	87,5	731,2	Không đạt TT LĐT	
13	TH, THCS và THPT Quốc Tế	198	78,2	199	88,5	90	71	89	91,5	905,2	TT LĐT	
14	THCS và THPT Hoa Sen	134	68,4	188	89,5	92	43	67	91,5	773,4	Không đạt TT LĐT	
15	TH, THCS và THPT Vinschool	190	95	199	89,5	89,8	26	95	0	784,3	Không đạt TT LĐT	
16	PTDL Hermann Gmeiner	186	62,6	195	91,5	90	48	89	0	762,1	Không đạt TT LĐT	
17	Song ngữ Quốc tế Horizon	0	40,5	0	0	99,8	0	0	0	140,3	Không xét do không tham gia thi đua	
18	TH, THCS VÀ THPT Nguyễn Tri Phương	178	58,1	199	88,5	90	61,5	89	89	853,1	Không đạt TT LĐT	
19	Tiểu học, THCS và THPT Emasi Vạn Phúc	200	93,3	198	96,5	100	87,5	95	0	870,3	Không đạt TT LĐT	

Ghi chú: + TT LĐT: có điểm tổng từ 900 đến dưới 950 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 950 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021-2022
KHOÁI TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG TRỰC THUỘC

Stt	Đơn vị	Điểm chấm của các phòng				Tổng cộng	Kết quả HĐĐĐ xét và đề nghị	Ghi chú
		TCCB	KHTC	GDTX- CN&ĐH	THANH TRA	CTTT		
1	CĐ Kinh tế TP. HCM	97	100	100	99,5	100	TT LĐTĐ, TT LĐXS	
2	CĐ Kinh tế Kỹ thuật TP. HCM	97	100	100	98,5	97	TT LĐTĐ, TT LĐXS,	Sinh con thứ 3
3	CĐ Lý Tự Trọng TP. HCM	97	100	100	100	97	TT LĐTĐ, TT LĐXS, BK UB	Chưa đủ điều kiện HCLĐ hạng Nhất vì tính từ 2016-2017 đến nay thiếu 01 Cờ TP
4	CĐ Công nghệ Thủ Đức	96	100	100	99	97	TT LĐTĐ, TT LĐXS	Sinh con thứ 3
5	CĐ Bách khoa Nam Sài Gòn	97	100	100	98,5	99	TT LĐTĐ, TT LĐXS, BK UB	
6	TC Kinh tế Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	97	100	100	99	100	TT LĐTĐ, TT LĐXS, BK UB	
7	TC Bách Nghệ TP. HCM	97	100	100	99	97	TT LĐTĐ, TT LĐXS, BK UB, BKTTg	
8	TC Kinh tế Kỹ thuật Quận 12	97	100	100	100	100	TT LĐTĐ, TT LĐXS	Sinh con thứ 3

Ghi chú: + TT LĐTĐ: có điểm tổng từ 450 đến dưới 475 điểm
+ TT LĐXS: có điểm tổng từ 475 trở lên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐUA NĂM HỌC 2021 - 2022

KHỐI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	KHỐI	Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Đức và quận/huyện	ĐIỂM PHÒNG BAN CHẤM										Điểm cộng cho khối trưởng	Tổng cộng	KẾT quả HĐTD xét và đề nghị
			Mầm non	Tiểu học	Trung học	GDTX	CTTT	KT&K ĐCL	KHTC	Thanh tra	CĐS&UD CNTT	Văn phòng			
1	1	Quận 1	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		1000	BK Bộ, GK Sở
2		Quận 10	100	99,75	100	100	99	100	100	100	100	99,5		998,3	GK Sở
3		Quận 5	100	99,75	100	100	99,5	100	100	99	98	99,5		995,8	BK Bộ, GK Sở
4		Quận Tân Bình	100	100	100	100	99	100	100	100	100	100		999	BK Bộ, GK Sở
5		Thành phố Thủ Đức	100	99,75	99,75	100	99,5	96	100	100	99	99		993	BK Bộ, GK Sở
6		Quận 3	100	99,25	100	100	97,5	100	100	99,5	100	99,75	5	1001	BK Bộ, GK Sở, Cờ TP
1	2	Quận 8	100	100	100	100	99,5	100	100	100	100	100		999,5	BK Bộ, GK Sở
2		Quận 6	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	5	1004	BK Bộ, GK Sở, Cờ TP
3		Quận 11	100	99,5	100	100	98	100	100	100	100	100		997,5	GK Sở
4		Quận 4	100	99,5	100	100	99	98	99	99	96	99,5		990	BK Bộ, GK Sở
5		Quận Phú Nhuận	99,5	99,25	99	100	99	99	100	96	98	99		988,8	GK Sở
6		Quận Bình Thạnh	100	99,5	100	100	100	97	100	100	98	99,75		994	GK Sở
1	3	Quận Bình Tân	100	99	100	100	97,5	98	99	99,5	99	99,5		991,5	BK Bộ, GK Sở
2		Quận 7	100	99	98	100	98	100	98	99	99	99,5	5	995,5	BK Bộ, GK Sở
3		Quận 12	100	99,25	100	100	99	98	99	100	98	99,5		992,8	GK Sở
4		Quận Gò Vấp	100	99,5	99,75	100	99,5	100	99	99	99	99,75		995,5	BK Bộ, GK Sở
5		Quận Tân Phú	100	99,25	100	100	98	100	99	100	100	100		996,3	BK Bộ, Cờ TP, Cờ TP

STT	KHỐI	Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Đức và quận/huyện	ĐIỂM PHÒNG BAN CHẤM										Điểm cộng cho khối trưởng	Tổng cộng	Kết quả HĐTD xét và đề nghị
			Mầm non	Tiểu học	Trung học	GDTX	CTTT	KT&K ĐCL	KHTC	Thanh tra	CĐS&UD CNTT	Văn phòng			
1	4	Huyện Bình Chánh	100	99,25	100	100	100	100	99	99,5	100	100	5	1002,8	BK Bộ, GK Sở, Cờ TP
2		Huyện Nhà Bè	100	99	100	100	99,5	100	100	100	99	100		997,5	BK Bộ, GK Sở
3		Huyện Hóc Môn	99,5	98,5	99,5	100	99,5	98	99	100	98	100		992	GK Sở
4		Huyện Củ Chi	100	99,5	100	100	98	98	99	98	100	99,5		992	GK Sở
5		Huyện Cần Giờ	100	99,5	100	100	99,5	100	100	99	99	100		997	BK Bộ, GK Sở